

Số:/2021/TTQT-NHNA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

TỜ TRÌNH**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và Luật số 17/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ mẫu áp dụng với công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC,

Kính thưa Đại hội,

Nhằm tiếp tục hoàn thiện Điều lệ hiện hành của Ngân hàng Nam Á để đáp ứng các yêu cầu, chuẩn mực quản trị hiện đại, và phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành thời gian qua: Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các Luật này đã được ban hành và có hiệu lực vào đầu năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát và xét thấy cần sửa đổi, bổ sung một số Điều đối với Điều lệ hiện hành của Ngân hàng.

Hội đồng quản trị kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á, chi tiết theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. Kính trình Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục, ký các văn bản liên quan để hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á và báo cáo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Nơi nhận:**

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

Nguyễn Quốc Toàn

PHỤ LỤC

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á

(Đính kèm Tờ trình số: /2021/TTQT-NHNA ngày tháng năm 2021)

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và Luật số 17/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sau đây gọi tắt là Luật các TCTD);

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp 2020);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Thông tư số 116/2020/TT-BTC);

Căn cứ Điều lệ mẫu áp dụng với công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC (sau đây gọi tắt là Điều lệ mẫu),

STT	Điều/Khoản sửa đổi	Nội dung tại bản Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ	Căn cứ sửa đổi
1.	Tên viết tắt của Ngân hàng TMCP Nam Á	Ngân hàng Nam Á	Nam A Bank	Sửa đổi để phù hợp với quy ước viết tắt tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2.	Điểm d Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “d. “Luật doanh nghiệp 2014” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015)”.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “d. “Luật doanh nghiệp 2020” có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)”.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
3.	Điểm n Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “n. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng Nam Á phát hành xác nhận	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “n. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Nam A Bank phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác	Sửa đổi để phù hợp với khoản 1 Điều 121 Luật Doanh

		quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng Nam Á”.	nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Nam A Bank”.	ngành 2020.
4.	Điểm t Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “t. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/05/2016 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017”.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ “t. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan”.	Sửa đổi để phù hợp với quy định hiện hành.
5.	Tiết i và iv Điểm b Khoản 7 Điều 12	Điều 12. Thay đổi vốn điều lệ 7. Mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ: b. Điều kiện để Ngân hàng Nam Á được mua lại cổ phần: “i. Các điều kiện theo quy định tại Điều 129, Điều 130 và Điều 131 Luật doanh nghiệp 2014; ... iv. Các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); ...”.	Điều 12. Thay đổi vốn điều lệ 7. Mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ: b. Điều kiện để Nam A Bank được mua lại cổ phần: “i. Các điều kiện theo quy định tại Điều 132, Điều 133 và Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020; ... iv. Các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); ...”.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
6.	Khoản 5 Điều 14	Điều 14. Cổ phần, Cổ đông “5. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại	Điều 14. Cổ phần, Cổ đông “5. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam,	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh

		tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng Nam Á và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định của pháp luật có liên quan”.	ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Nam A Bank và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật doanh nghiệp 2020 và các quy định của pháp luật có liên quan”.	nghịệp 2020.
7.	Khoản 7 Điều 14	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân hàng Nam Á, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á quyết định. <u>Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u> Khi thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, <u>Ngân hàng Nam Á phải thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Ngân hàng Nam Á phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.</u></p>	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Nam A Bank, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Nam A Bank quyết định. <u>Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác</u>”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 5 Điều 6 của Điều lệ mẫu và Khoản 2 và Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020.

		<p><u>b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Ngân hàng Nam Á; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Ngân hàng Nam Á phát hành.</u></p> <p><u>c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác”.</u></p>		
8.	Khoản 8 Điều 14	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“8. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại <u>khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp 2014</u> được <u>ghi đúng, ghi đủ</u> vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng Nam Á”.</p>	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“8. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại <u>khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp 2020</u> được <u>ghi đầy đủ</u> vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Nam A Bank”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020.
9.	Khoản 9 Điều 14	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“9. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng Nam Á phát hành và <u>trao cổ phiếu</u> cho người mua.</p> <p><u>Ngân hàng Nam Á có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh</u></u></p>	<p>Điều 14. Cổ phần, Cổ đông</p> <p>“9. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Nam A Bank phát hành và <u>giao cổ phiếu</u> cho người mua; <u>trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp 2020</u></u> được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 5 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020.

		<u>nghiệp 2014 được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng Nam Á”.</u>	phần của cổ đông đó trong Nam A Bank”.	
10.	Khoản 2 Điều 16	<p>Điều 16. Cổ phiếu</p> <p>“2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Ngân hàng Nam Á và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nam Á theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>a. <u>Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á;</u></p> <p>b. <u>Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;</u></p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>e. <u>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>f. <u>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;</u></p> <p>g. <u>Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng Nam Á;</u></p> <p>h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu”.</p>	<p>Điều 16. Cổ phiếu</p> <p>“2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Nam A Bank và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Nam A Bank theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>a. <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Nam A Bank;</u></p> <p>b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d. <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>e. <u>Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank;</u></p> <p>f. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>g. <u>Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi”.</u></p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.

<p>11.</p>	<p>Khoản 1 Điều 21</p>	<p>Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>“1. Ngân hàng Nam Á lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. <u>Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.</u> Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở của Ngân hàng Nam Á;</p> <p>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. <u>Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</u></p> <p>d. <u>Ho, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức”.</u></p>	<p>Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>“1. Nam A Bank lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. <u>Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Nam A Bank.</u> Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở của Nam A Bank;</p> <p>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d. <u>Ho, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>e. <u>Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần”.</u></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 và Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p>12.</p>	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 22</p>	<p>Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>“a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</u> mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết”.</p>	<p>Điều 22. Quyền hạn của Cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>“a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền <u>hoặc hình thức khác do pháp luật hoặc Điều lệ Nam A Bank quy định.</u> Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết”.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu.</p>

13.	Điểm d Khoản 2 Điều 22	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: “d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác”.	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: “d. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc</u> trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác <u>của mình</u> ”.	Sửa đổi để phù hợp với Điểm đ Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
14.	Điểm j, k, l, m Khoản 2 Điều 22	Chưa quy định	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: “j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Nam A Bank có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Nam A Bank công bố theo quy định của pháp luật; l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank”.	Bổ sung Điểm j, k, m, n vào Khoản 2 Điều 22 để phù hợp với Điểm i, k, l, m Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu.
15.	Khoản 3 Điều 22	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông</u> trong thời hạn liên tục ít nhất <u>sáu tháng</u> có thêm các quyền sau:	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông “3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>05% tổng số cổ phần phổ thông</u> có thêm các quyền sau:	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4

	<p>a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng Nam Á khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; <u>phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng Nam Á; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>ii. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</u></p> <p>iii. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á.</p> <p><u>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và</u></p>	<p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và <u>nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</u>, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, <u>báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank;</u></p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm d khoản này;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Nam A Bank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản <u>và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u> số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>ii. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Nam A Bank.</p>	<p>Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
--	--	--	---

		<p>phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng Nam Á, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>e. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Nam A Bank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền”.</u></p>	
16.	Khoản 4 Điều 22	<p>Điều 22. Quyền hạn của cổ đông</p> <p>“4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quy định tại điểm e khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều này</u> được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Điều 22. Quyền hạn của cổ đông</p> <p>“4. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p>a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản này</u> được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Đồng thời, bổ sung Điểm c theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		b. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định”.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. b. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định. c. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông”.	
17.	Điểm f Khoản 1 Điều 23	Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông 1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: “f. Bảo đảm bí mật thông tin về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á”.	Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông 1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: “f. Bảo đảm bí mật thông tin về hoạt động kinh doanh của Nam A Bank; <u>Bảo mật các thông tin được Nam A Bank cung cấp theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Nam A Bank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</u> ”.	Bổ sung vào Điểm f Khoản 1 Điều 23 về nghĩa vụ bảo mật thông tin của cổ đông để phù hợp với Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020.
18.	Điểm g Khoản 1 Điều 23	Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông 1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: “g. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông”.	Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông 1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: “g. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu.

			<p>phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp quy định pháp luật và được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông”.</p>	
19.	Điều 24	<p>Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng Nam Á và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ này quy định, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm”.</p>	<p>Điều 24. Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Nam A Bank. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Nam A Bank có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Nam A</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu và Khoản 1, Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.

			Bank phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Nam A Bank”.	
20.	Khoản 1 Điều 25	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng Nam Á;</p> <p>b. Tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á cho thấy Ngân hàng Nam Á bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba số thành viên hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Nam Á;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản kiến nghị được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý</p>	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank;</p> <p>b. Tình hình tài chính của Nam A Bank cho thấy Nam A Bank bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản kiến nghị được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>f. Theo yêu cầu của NHNN”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu và Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD.

		<p>do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>g. Theo yêu cầu của NHNN”.</p>		
21.	Khoản 3 Điều 25	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014”.</p>	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
22.	Khoản 4 Điều 25	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>...”.</p>	<p>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>“4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có quyền đại diện Nam A Bank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>...”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.

23.	Khoản 1 Điều 26	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng Nam Á”.</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Nam A Bank;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Nam A Bank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.
24.	Điểm e Khoản 2 Điều 26	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>e. Quyết định mức thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 158, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014; quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát”.</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>e. Quyết định mức thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020; quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.

25.	Điểm u, v Khoản 2 Điều 26	Chưa quy định	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: “... u. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; v. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết”.	Bổ sung để phù hợp với Điều 1 và Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
26.	Khoản 1 Điều 27	Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông “1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Ngân hàng Nam Á phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng”.	Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông “1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Nam A Bank phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng”.	Sửa đổi để phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.
27.	Khoản 2 Điều 27	Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông “2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u> ; tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông”.	Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông “2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.

28.	Khoản 3 Điều 28	<p>Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng Nam Á)”.</p>	<p>Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Nam A Bank)”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu.
29.	Điều 29	<p>Điều 29. Thay đổi các quyền</p> <p>“1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần</p>	<p>Điều 29. Thay đổi các quyền</p> <p>“1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 17 của Điều lệ mẫu.

		<p>cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 31 (Các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ) và Điều 33 (Thông qua quyết định ĐHĐCĐ) của Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng Nam Á không bị thay đổi khi Ngân hàng Nam Á phát hành thêm các cổ phần cùng loại”.</p>	<p>và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 31, 32 và 33 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Nam A Bank không bị thay đổi khi Nam A Bank phát hành thêm các cổ phần cùng loại”.</p>	
30.	Điểm a Khoản 2 Điều 30	<p>Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo</p> <p>2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ</p>	<p>Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo</p> <p>2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu.

		thường trú của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng Nam Á ”.	công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Nam A Bank niêm yết hoặc đăng ký giao dịch ”.	
31.	Điểm c Khoản 2 Điều 30	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo 2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông: “c. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu <u>và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu</u> ”.	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo 2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông: “c. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Nam A Bank. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
32.	Điểm d Khoản 2 Điều 30	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo 2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông: “d. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Ngân hàng Nam Á; tên, <u>địa chỉ thường trú của cổ đông</u> , thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp”.	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo 2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông: “d. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Nam A Bank; tên, <u>địa chỉ liên lạc của cổ đông</u> , thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
33.	Khoản 4 Điều 30	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo “4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	Điều 30. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo “4. <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</u> Người triệu tập	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 22 đã được sửa đổi.

		<p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á và không phù hợp với các quy định của pháp luật;</p> <p>d. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này”.</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Nam A Bank và không phù hợp với các quy định của pháp luật;</p> <p>d. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này”.</p>	
34.	Điều 31	<p>Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này</p>	<p>Điều 31. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>“1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.

		<p>thì được <u>triều tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày</u>, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất”.</p>	<p>hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <u>thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày</u>, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất”.</p>	
35.	Khoản 2 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng Nam Á cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Nam A Bank cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu.</p>

			toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp”.	
36.	Khoản 4 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu.

37.	Khoản 6 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.
38.	Khoản 7 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại <u>khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014</u>”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020</u>”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.
39.	Khoản 8 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“8. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội</u>”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“8. <u>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</u></p> <p>a. <u>Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu.

40.	Khoản 12 Điều 32	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“12. Hàng năm Ngân hàng Nam Á tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”.</p>	<p>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“12. Hàng năm Nam A Bank tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Nam A Bank áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Nam A Bank có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”.</p>	Bổ sung để phù hợp với Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu.
41.	Điểm b Khoản 2 Điều 34	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:</p> <p>“b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo</p>	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:</p> <p>“b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.

		<p>quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ này.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014".</p>	<p>thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ này.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020".</p>	
42.	Khoản 4 Điều 34	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>"4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Ngân hàng Nam Á.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền và các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 5 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014".</p>	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>"4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Nam A Bank.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền và các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020".</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
43.	Khoản 6 Điều 34	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>"6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á trong vòng hai</p>	<p>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>"6. Biên bản kiểm phiếu và ngợi quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và ngợi quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu.

		mười tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu”.	tin điện tử của Nam A Bank trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu”.	
44.	Khoản 1 Điều 35	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014 . Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng”.	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020 . Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu.
45.	Khoản 2 Điều 35	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản”.	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu.
46.	Khoản 3, 4, 5 Điều 35	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “3. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nam Á trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u> 4. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về</u>	Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông “3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu.

		<p><u>nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p> <p><u>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á”.</u></p>		
47.	Điều 37	<p>Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</u> quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 (chín mươi) ngày theo trình tự, thủ</p>	<p>Điều 37. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>“Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này”. 	Sửa đổi để phù hợp với Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 24 Điều lệ mẫu.

		tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này”.		
48.	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44	<p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lực</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Ngân hàng Nam Á với mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác”.</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lực</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Nam A Bank với mục đích cá nhân; đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Nam A Bank”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu.
49.	Khoản 3 Điều 44	<p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lực</p> <p>“3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng Nam Á mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác”.</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lực</p> <p>“3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Nam A Bank, công ty con, công ty khác do Nam A Bank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Nam A</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu.

			Bank phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin”.	
50.	Khoản 2 Điều 45	<p>Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>“2. Ngân hàng Nam Á bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng Nam Á là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng Nam Á ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng Nam Á với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành ngân hàng, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng Nam Á, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á được Ngân hàng Nam Á bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các</p>	<p>Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>“2. Nam A Bank bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Nam A Bank là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Nam A Bank ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Nam A Bank, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Nam A Bank trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 48 Điều lệ mẫu.

		<p>vụ kiện do Ngân hàng Nam Á là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng Nam Á;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình”.</p>		
51.	Khoản 1 Điều 46	<p>Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ</p> <p>“1. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất 05 (năm) thành viên và nhiều nhất 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Đại hội đồng cổ đông quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể từng nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng Nam Á. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. (Trong trường hợp Ngân hàng Nam Á niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.) Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ</p>	<p>Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ</p> <p>“1. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất 05 (năm) thành viên và nhiều nhất 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Đại hội đồng cổ đông quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể từng nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Nam A Bank. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. (Trong trường hợp Nam A</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD.

		đồng là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á”.	Bank niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.) Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank”.	
52.	Khoản 7 Điều 46	Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ “7. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên”.	Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ “7. <u>Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc như sau:</u> a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng cử viên; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng	Sửa đổi để phù hợp với tỉ lệ tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

			<p>số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;</p> <p>g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;</p> <p>h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên”.</p>	
53.	Khoản 8 Điều 46	<p>Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ</p> <p>“8. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật”.</p>	<p>Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ</p> <p>“8. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu.
54.	Khoản 10 Điều 46	Chưa quy định	<p>Điều 46. Thành phần và Nhiệm kỳ</p> <p>“10. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Nam A Bank không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục”.</p>	Bổ sung để phù hợp với Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020.
55.	Khoản 9 Điều 47	Điều 47. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Bổ quy định này	Nội dung này căn cứ Điều c

		“9. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của Ngân hàng Nam Á trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 26 Điều lệ này”.		Khoản 1 Điều 7 Thông tư 13/2010/TT-NHNN đã hết hiệu lực thi hành.
56.	Khoản 22 Điều 47	Điều 47. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Ngân hàng Nam Á và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: “22. Trình <u>báo cáo quyết toán tài chính</u> hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông”.	Điều 47. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Nam A Bank và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: “22. Trình <u>báo cáo tài chính</u> hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông”.	Sửa đổi để phù hợp với Điểm n Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.
57.	Điểm j Khoản 1 Điều 48	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: “j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán”.	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: “j. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.

			sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị”.	
58.	Khoản 3 Điều 48	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị “3. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch”.	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị “3. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 29 Điều lệ mẫu và khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.
59.	Khoản 4 Điều 48	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị “4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày”.	Điều 48. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị “4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm , bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm ”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu.
60.	Điều 49	Điều 49. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị “1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản</u>	Điều 49. Thù lao, <u>thưởng và lợi ích khác</u> của thành viên Hội đồng quản trị “1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Sửa đổi để phù hợp với Điều 28 Điều lệ mẫu và Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.

	<p><u>trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</u></p> <p><u>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng Nam Á, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng Nam Á.</u></p> <p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị”.</u></p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp</p>	
--	---	---	--

			<p>Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Nam A Bank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Nam A Bank”.</p>	
61.	Khoản 1 Điều 51	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“1. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ</u> Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị <u>nhiệm kỳ</u> đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu <u>cao nhất</u> hoặc tỷ lệ phiếu bầu <u>cao</u> và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị”.</p>	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu và khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
62.	Khoản 2 Điều 51	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“2. Cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến”.</p>	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu.

63.	Khoản 3 Điều 51	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát;</p> <p>d. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người điều hành khác;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chiếm trên 10% vốn điều lệ;</p> <p>f. Giám đốc NHNN chi nhánh TP. HCM”.</p>	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Trường hợp khác do Điều lệ này quy định.</p> <p>Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 và Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu và khoản 3, khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
64.	Khoản 4 Điều 51	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“4. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e của khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN chi nhánh TP. HCM và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các</p>	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Nam A Bank; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu.

		điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng quản trị không đủ túc số để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Ngân hàng Nam Á”.		
65.	Khoản 6 Điều 51	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“6. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Ngân hàng Nam Á”.</p>	<p>Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>“6. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu.

			thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Nam A Bank”.	
66.	Điểm d Khoản 8 Điều 51	Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 8. Biểu quyết: “d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó”.	Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 8. Biểu quyết: “d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó”.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
67.	Khoản 12 Điều 51	Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị “12. Biên bản: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng Nam Á. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh . Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt”.	Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị “12. Biên bản: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Nam A Bank. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài . Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích và áp dụng theo biên bản được lập bằng tiếng Việt”.	Sửa đổi để phù hợp với Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.
68.	Điều 53	Điều 53. Người phụ trách quản trị Ngân hàng Nam Á “1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách	Điều 53. Người phụ trách quản trị Nam A Bank “1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người	Sửa đổi để phù hợp với Điều 32 Điều lệ mẫu.

	<p>quản trị Ngân hàng Nam Á để hỗ trợ hoạt động quản trị ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>5. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng Nam Á và cổ đông;</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>d. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p>	<p>phụ trách quản trị Nam A Bank để hỗ trợ hoạt động quản trị ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Nam A Bank;</p> <p>b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Nam A Bank và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Nam A Bank;</p>	
--	--	--	--

		<p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng Nam Á;</p> <p>g. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”.</p>	<p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”.</p>	
69.	Khoản 3 Điều 55	Chưa quy định	<p>Điều 55. Người điều hành</p> <p>“3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên”.</p>	Bổ sung để phù hợp với Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu.
70.	Điểm a Khoản 1 Điều 58	<p>Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>“1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014, cụ thể như sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị”.</p>	<p>Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>“1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Nam A Bank mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Điểm a Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.
71.	Khoản 1 Điều 59	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“1. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 03 (ba) người, tối đa là 05</p>	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“1. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 03 (ba) người, tối đa là</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 44

		<p>(năm) người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng Nam Á và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán”.</p>	<p>05 (năm) người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Nam A Bank hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Nam A Bank và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Nam A Bank trong 03 năm liền trước đó”.</p>	<p>Luật các TCTD, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu.</p>
72.	Khoản 2 Điều 59	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc”.</p>	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc”.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 Điều 44 Luật các TCTD.</p>
73.	Khoản 5 Điều 59	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“5. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán’.</p>	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam”.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 38 Điều lệ mẫu.</p>

74.	Khoản 6 Điều 59	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên”.</p>	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“6. <u>Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc như sau:</u></p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng cử viên;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;</p> <p>g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;</p> <p>h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên”.</p>	Sửa đổi để phù hợp với tỉ lệ tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
75.	Khoản 7 Điều 59	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>“7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử</p>	<p>Điều 59. Thành phần và nhiệm kỳ</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2

		<p>và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử”.</p>	<p>“7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật”.</p>	<p>Điều 36 Điều lệ mẫu.</p>
76.	<p>Điểm d Khoản 2 Điều 60</p>	<p>Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>“d. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng Nam Á, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông”.</p>	<p>Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>“d. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Nam A Bank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. <u>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông</u>”.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

77.	Điểm i Khoản 2 Điều 60	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau: “i. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao”.	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau: “i. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 hoặc trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao”.	Sửa đổi để phù hợp với khoản 3 Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020.
78.	Điểm l Khoản 2 Điều 60	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát “l. Giám sát tình hình tài chính Ngân hàng Nam Á, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông ”.	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát “Giám sát tình hình tài chính của Nam A Bank, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác ”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 39 Điều lệ mẫu.
79.	Điểm o, p, q, r Khoản 2 Điều 60	Chưa quy định	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát “o. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. p. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. q. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Nam A Bank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Nam A Bank trong giờ làm việc. r. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý	Bổ sung để phù hợp với Khoản 4, 6, 8, 9 Điều 39 Điều lệ mẫu.

			khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Nam A Bank”.	
80.	Khoản 1 Điều 63	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát “1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất”.	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát “1. Ban kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu.
81.	Điểm d Khoản 7 Điều 63	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát 7. Biểu quyết: “d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó”.	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát 7. Biểu quyết: “d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó”.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.
82.	Khoản 11 Điều 63	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát “11. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng Nam Á. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản cuộc họp Ban kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát “11. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, thành viên Ban kiểm soát và người ghi biên bản. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Nam A Bank. Chủ tọa, thành viên Ban kiểm soát và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản cuộc họp Ban kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu.

		đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản”.	được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản”.	
83.	Khoản 12 Điều 63	Chưa quy định	Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát “12. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ”.	Bổ sung để phù hợp với Khoản 2 Điều 40 Điều lệ mẫu.
84.	Điều 65	Điều 65. Quyền <u>điều tra</u> sổ sách và hồ sơ “1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này được quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Ngân hàng Nam Á. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành ngân hàng có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng Nam Á, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng Nam Á vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều 65. Quyền <u>tra cứu</u> sổ sách và hồ sơ “1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Nam A Bank, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật	Sửa đổi để phù hợp với Điều 49 Điều lệ mẫu.

		<p>3. Ngân hàng Nam Á phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Ngân hàng Nam Á”.</p>	<p>thương mại, bí mật kinh doanh của Nam A Bank.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành ngân hàng có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Nam A Bank, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Nam A Bank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Nam A Bank phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Nam A Bank”.</p>	
85.	Khoản 4 và Khoản 5 Điều 67	<p>Điều 67. Cổ tức</p> <p>“4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một</p>	<p>Điều 67. Cổ tức</p> <p>“4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Khoản 4 và</p>

		<p>loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng Nam Á phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Ngân hàng Nam Á đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Ngân hàng Nam Á không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Ngân hàng Nam Á chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác”.</p>	<p>loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Nam A Bank phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Nam A Bank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Nam A Bank không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Nam A Bank chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác”.</p>	<p>Khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu.</p>
86.	Điều 78	<p>Điều 78. Con dấu</p> <p>“1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Ngân hàng Nam Á và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.</p>	<p>Điều 78. Dấu của Nam A Bank</p> <p>“1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Nam A Bank, chi nhánh, phòng giao dịch của Nam A Bank.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều 58 Điều lệ mẫu.</p>

			3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý đấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.	
87.	Khoản 2 Điều 82	Điều 82. Gia hạn hoạt động “2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua”.	Điều 82. Gia hạn hoạt động “2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành ”.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 60 Điều lệ mẫu.